

Bản án số: 10 /2021/KDTM-ST  
Ngày: 03-3-2021  
v/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đức Hiếu

Bà Trần Thị Kim Trinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Vũ - Thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 39/2020/TLST-KDTM ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 02 năm 2021 giữa:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: đường T, quận H, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền ông Đặng Việt A – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Đà Nẵng (Theo văn bản ủy quyền số 52/UQ-TGĐ2 ngày 17/6/2013); địa chỉ chi nhánh: phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bảo Q – Chức vụ: Chuyên viên quản trị nợ - Khối QL&XLNCVĐ và ông Huỳnh Vương C – Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng doanh nghiệp, chi nhánh Đà Nẵng (Theo văn bản ủy quyền số 541/UQ-TGĐ ngày 28/10/2020 của ông Nguyễn Văn L); có mặt.

2. *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Hồ Văn L, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2020 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S., bản tự khai ngày 11/01/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Bảo Q và ông Huỳnh Vương C trình bày:*

Công ty Cổ phần Đ có vay vốn tại Ngân hàng TMCP S (SHB) chi tiết như sau:  
Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 111/2018/HDHM-PN/SHB.120105 ngày 27/12/2018; Giá trị hạn mức tín dụng 4,700,000,000 đồng (Bằng chữ: *Bốn tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn*); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng (từ ngày 27/12/2018 đến ngày 27/12/2019); Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay thuộc hạn mức: Thời hạn của mỗi khoản vay thuộc hạn mức tín dụng được quy định cụ thể tại các khế ước nhận nợ nhưng tối đa 08 (tám) tháng; Lãi suất vay: Lãi suất cho vay trong hạn kỳ đầu tiên: 9,4%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 06 tháng trả lãi cao nhất KHCN của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với biên độ cho vay là 3,0%/năm.

Tài sản bảo đảm: Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/06/2019, cập nhật tặng cho cho ông Hồ Văn L và bà Nguyễn Thị T ngày 27/06/2019, được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số B ngày 28/06/2019, được công chứng tại phòng công chứng T, thành phố Đà Nẵng, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai quận C, thành phố Đà Nẵng ngày 28/06/2019.

Công ty Cổ phần Đ rút vốn vay tại Ngân hàng S tổng cộng số tiền là 2,500,000,000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn) thể hiện qua các Khế ước nhận nợ: Số 07-111/2018/HĐHM-PN/S.120105 ngày 06/08/2019; Số 08-111/2018/HĐHM-PN/S.120105 ngày 16/09/2019; Số 09-111/2018/HĐHM-PN/S.120105 ngày 19/09/2019; Số 10-111/2018/HĐHM-PN/S.120105 ngày 05/10/2019;

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 425/2017/HĐTDTDH-PN/S.120105 ngày 07/04/2017; Số tiền vay 500,000,000 đồng (Bằng chữ: năm trăm triệu đồng); Mục đích vay: Cho vay đầu tư tài sản cố định - Thanh toán tiền mua xe ô tô con Mazda BT-50-MT-2.2L FACELIFT, mới 100%, sản xuất năm 2016; Thời hạn vay: 72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên; Lãi suất cho vay: Lãi suất 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân: 7,5%/năm. Từ tháng thứ 13 trở đi: Lãi suất cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần. Mức lãi suất tại mỗi kỳ điều chỉnh bằng (=) lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cao nhất của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm.

Tài sản bảo đảm: Xe ô tô tải pickup cabin kép theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 5, biển số đăng ký 43C-150.84 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/04/2017. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 425/2017/HĐTC-PN/SHB.120105 ngày 07/04/2017, được công chứng tại phòng công chứng T, thành phố Đà Nẵng, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng vào ngày 07/04/2017, cụ thể:

Công ty Cổ phần Đ rút vốn vay tại Ngân hàng S tổng cộng số tiền là: 500,000,000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn) thể hiện qua Khế ước nhận nợ: Số 01-425/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120105 ngày 07/04/2017.

Trong quá trình vay vốn, do Công ty Cổ phần Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên S Đà Nẵng đã nhiều lần gửi thông báo nợ quá hạn, lập biên bản làm việc, gửi hồng báo thu hồi nợ trước hạn.... yêu cầu công ty trả nợ vay nhưng Công ty Cổ phần Đ đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho bên cho vay là Ngân hàng S theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, theo đó: Buộc Công ty Cổ phần Đ trả cho Ngân hàng S số tiền còn nợ là: 2.785.716.481 đồng (*Hai tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm mười sáu ngàn bốn trăm tám mươi một đồng*). Trong đó, nợ gốc là 2.456.944.460 đồng, tiền lãi tính hết ngày **03/03/2021** là 328.772.021 đồng.

Buộc Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 111/2018/HĐHM-PN/SHB.120105 ngày 27/12/2018 và Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 425/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120105 ngày 07/04/2017 kể từ ngày 04/3/2021 cho đến khi Công ty Cổ phần Đ thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp Công ty Cổ phần Đ không trả được nợ, Ngân hàng S yêu cầu phát mãi các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

*\* Đối với bị đơn Công ty Cổ phần Đ:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian xét xử nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cử người đại diện tham gia tố tụng đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn L trình bày:* Ông xác nhận nội dung khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là đúng. Nay Ngân hàng khởi kiện ông yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện để Công ty Cổ phần Đ có thời gian để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

*\* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian xét xử nhưng bà Nguyễn Thị T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cử người đại diện tham gia tố tụng đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng khởi kiện Công ty Cổ phần Đ về việc kiện đòi nợ liên quan đến hợp đồng tín dụng. Đây là vụ án có tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có trụ sở tại phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Đào Quốc K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn L, bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: Ngân hàng TMCP S và Công ty Cổ phần Đ có ký các khoản vay hạn mức và khoản vay trung dài hạn với các nội dung thỏa thuận như sau:

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 111/2018/HDHM-PN/SHB.120105 ngày 27/12/2018; Giá trị hạn mức tín dụng 4,700,000,000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng (từ ngày 27/12/2018 đến ngày 27/12/2019); Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay thuộc hạn mức: Thời hạn của mỗi khoản vay thuộc hạn mức tín dụng được quy định cụ thể tại các khế ước nhận nợ nhưng tối đa 08 (tám) tháng; Lãi suất vay: Lãi suất cho vay trong hạn kỳ đầu tiên: 9,4%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 06 tháng trả lãi cao nhất KHCN của Ngân hàng S tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với biên độ cho vay là 3,0%/năm.

Công ty Cổ phần Đ rút vốn vay tại Ngân hàng S tổng cộng số tiền là 2.500.000.000 đồng thể hiện qua các Khế ước nhận nợ: Số 07-111/2018/HĐHM-PN/SHB.120105 ngày 06/08/2019; Số 08-111/2018/HĐHM-PN/S.120105 ngày 16/09/2019; Số 09-111/2018/HĐHM-PN/S.120105 ngày 19/09/2019; Số 10-111/2018/HĐHM-PN/S.120105 ngày 05/10/2019.

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 425/2017/HĐTDTDH-PN/S.120105 ngày 07/04/2017; Số tiền vay 500,000,000 đồng; Mục đích vay: Cho vay đầu tư tài sản cố định - Thanh toán tiền mua xe ô tô con Mazda BT-50-MT-2.2L FACELIFT, mới 100%, sản xuất năm 2016; Thời hạn vay: 72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên; Lãi suất cho vay: Lãi suất 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân: 7,5%/năm. Từ tháng thứ 13 trở đi: Lãi suất cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần. Mức lãi suất tại mỗi kỳ điều chỉnh bằng (=) lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cao nhất của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm. Công ty Cổ phần Đ rút vốn vay tại Ngân hàng S số tiền là 500.000.000 đồng thể hiện qua Khế ước nhận nợ: Số 01-425/2017/HĐTDTDH-PN/S.120105 ngày 07/04/2017.

Tổng số tiền Công ty Cổ phần Đ đã vay là 3.000.000.000 đồng.

Tại phiên toà hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S cho rằng quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Đ đã không thực hiện đúng cam kết như trong hợp đồng đã ký kết và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, theo khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 03/3/2021, Công ty Cổ phần Đ còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 2.456.944.460 đồng, tiền lãi là 328.772.021 đồng, tổng cộng là 2.785.716.481 đồng. Ngân hàng TMCP S yêu cầu Công ty Cổ phần Đ trả số tiền trên cho Ngân hàng.

**Xét thấy:** Công ty Cổ phần Đ ký các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 111/2018/HDHM-PN/S.120105 ngày 27/12/2018 và Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 425/2017/HĐTDTDH-PN/S.120105 ngày 07/04/2017 với Ngân hàng TMCP S để vay với tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng, lãi suất vay, thời hạn vay hai bên đã thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi vay tiền Công ty Cổ phần Đ chỉ thanh toán được một phần tiền gốc và tiền lãi là 777.719.126 đồng (Trong đó, nợ gốc là 543.055.540 đồng và nợ lãi là 234.663.586 đồng) và ngày trả nợ cuối cùng của Công ty Cổ phần Đ là ngày 06/4/2020, sau đó Công ty Cổ phần Đ không thực hiện đúng cam kết thanh toán nợ và tiền lãi vay theo các hợp đồng đã ký kết.

Tính đến ngày 03/3/2021, Công ty Cổ phần Đại Đồng Khánh còn nợ lại Ngân hàng TMCP S cụ thể: Hợp đồng số 111/2018/HDHM-PN/S.120105 ngày 27/12/2018 tiền dư nợ gốc hiện tại là 2.200.000.000 đồng, số tiền lãi là 298.239.924 đồng; Hợp đồng số 425/2017/HĐTDTDH-PN/S.120105 ngày 07/04/2017, tiền dư nợ gốc hiện tại là 256.944.460 đồng, tiền lãi là 30.532.097 đồng. Tổng số tiền gốc của các hợp đồng là 2.456.944.460 đồng, tổng tiền lãi là 328.772.021 đồng, cả gốc và lãi là 2.785.716.481 đồng.

Như vậy, đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận trả nợ quy định trong hợp đồng nhưng Công ty Cổ phần Đ không trả được tiền gốc và lãi cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào các điều 24, 50, 55 Luật thương mại và các điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Do vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc Công ty Cổ phần Đ trả số tiền 2.785.716.481 đồng (Hai tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm mười sáu ngàn bốn trăm tám mươi một đồng) cho Ngân hàng TMCP S.

Đối với tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: Trường hợp Công ty Cổ phần Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì các tài sản thế chấp sau được xử lý theo Điều 299 và Điều 323 Bộ luật dân sự, gồm có:

- Ngôi nhà kết cấu công trình móng, cột dầm, sàn BTCT, tường xây gạch Ceramic, mái BTCT, điện đi âm tường, nước thủy cục, số tầng công trình 03, diện tích xây dựng 94m<sup>2</sup>, diện tích sàn 230,5m<sup>2</sup>. Lô đất theo nhà thuộc thửa đất số 74; tờ

bản đồ số 204, diện tích 100m<sup>2</sup>; địa chỉ: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số C (số vào sổ cấp GCN: C) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/06/2019 đứng tên ông Hồ Văn L và bà Nguyễn Thị T được công chứng theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 044/2019/HĐTC-BTB/S.120105 ngày 28/06/2019 tại Văn phòng công chứng T, thành phố Đà Nẵng, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai quận C, thành phố Đà Nẵng ngày 28/06/2019, được đảm bảo cho giá trị nợ gốc hiện tại là 2.200.000.000 đồng.

- Xe ô tô con nhãn hiệu: MAZDA, loại xe tải pickup cabin kép, số loại: BT-50, năm sản xuất 2017, màu sơn: Trắng, số khung: 4DD6HW676476, số máy: P4AT2368550 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035975, biển số đăng ký 43C-1 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/04/2017 đứng tên Công ty Cổ phần Đ được công chứng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 425/2017/HĐTC-PN/SHB.120105 ngày 07/04/2017 tại Văn phòng công chứng T, thành phố Đà Nẵng, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng vào ngày 07/04/2017, được đảm bảo cho giá trị dư nợ gốc hiện tại là 256.944.460 đồng.

[3] Về án phí: Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là  $[72.000.000đ + (785.716.481 đ \times 2\%)] = 87.714.329$  đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ngân hàng TMCP S được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Lệ phí và chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ Ngân hàng TMCP S tự nguyện chịu (đã nộp và đã chi).

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các điều 24, 50, 55 Luật thương mại;

Căn cứ vào các điều 430, 440, 299 và Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với Công ty Cổ phần Đ về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 2.785.716.481 đồng (*Hai tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm mười sáu ngàn bốn trăm tám mươi một đồng*). Trong đó, nợ gốc là 2.456.944.460 đồng, tiền lãi tính hết ngày 03/03/2021 là 328.772.021 đồng.

Công ty Cổ phần Đại Đồng Khánh phải tiếp tục trả tiền lãi, phí đối với các khoản nợ trên kể từ ngày 04 tháng 3 năm 2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc, lãi, phí theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 111/2018/HĐHM-PN/S.120105 ngày 27/12/2018 và Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 425/2017/HĐTDTDH-PN/S.120105 ngày 07/04/2017 đã ký với Ngân hàng TMCP S.

3. Trường hợp Công ty Cổ phần Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì các tài sản thế chấp sau được xử lý theo Điều 299 và Điều 323 Bộ luật dân sự, gồm các tài sản sau:

- Ngôi nhà kết cấu công trình móng, cột dầm, sàn BTCT, tường xây gạch Ceramic, mái BTCT, điện đi âm tường, nước thủy cục, số tầng công trình 03, diện tích xây dựng 94m<sup>2</sup>, diện tích sàn 230,5m<sup>2</sup>. Lô đất theo nhà thuộc thửa đất số 74; tờ bản đồ số 204, diện tích 100m<sup>2</sup>; địa chỉ: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 8 (số vào sổ cấp GCN: C) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/06/2019 đứng tên ông Hồ Văn L và bà Nguyễn Thị T, được đảm bảo cho giá trị dư nợ gốc hiện tại là 2.200.000.000 đồng và lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 111/2018/HĐHM-PN/SHB.120105 ngày 27/12/2018.

- Xe ô tô con nhãn hiệu: MAZDA, loại xe tải pickup cabin kép, số loại: BT-50, năm sản xuất 2017, màu sơn: Trắng, số khung: 4DD6HW676476, số máy: P4AT2368550 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035975, biển số đăng ký 43C-1 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/04/2017 đứng tên Công ty Cổ phần Đ, được đảm bảo cho giá trị dư nợ gốc hiện tại là 256.944.460 đồng và lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 425/2017/HĐTDTDH-PN/S.120105 ngày 07/04/2017.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Đ phải chịu 87.714.329 đồng (*Tám mươi bảy triệu bảy trăm mười bốn ngàn ba trăm hai mươi chín đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP S được hoàn trả 42.437.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001452 ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.



5. Lệ phí và chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ Ngân hàng TMCP S tự nguyện chịu (đã nộp và đã chi).

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thu Trang**